

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VIỆT YÊN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 21/9/2021  
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Hợp

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đức Hiền

2. Ông Giáp Huy Tường.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Chu Thị Minh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Dương Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2018/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Vương Thị N, sinh năm 1981 – vắng mặt.

**- Bị đơn:** Anh Hoàng Bá L, sinh năm 1977 – có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thể hiện nội dung vụ án như sau:

*Nguyên đơn chị Vương Thị N trình bày:* Chị Vương Thị N và anh Hoàng Bá L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang ngày 30/10/1999. Sau khi tổ chức lễ cưới vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được 08 năm sau đó xảy ra mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm, sống không hạnh phúc. Khi xảy ra mâu thuẫn địa phương có hòa giải nhưng không có kết quả, anh L sống không có trách nhiệm, bỏ bê con cái không dạy dỗ, sống bê tha. Chị N xác định tình cảm không còn, đề nghị được ly hôn anh Luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Hải C, sinh ngày 20/11/2000 và Hoàng Thị Kiều T, sinh ngày 24/01/2003. Sau khi ly hôn các con

ở với ai do các con lựa chọn.

Về tài sản, công sức, công nợ, ruộng đất: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Hoàng Bá L trình bày:* Anh L và chị Vương Thị N kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có tìm hiểu, có thỏa thuận, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, V, Bắc Giang năm 1999. Sau khi kết hôn thì sống chung với gia đình được khoảng mấy tháng thì ra ở riêng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung. Đến năm 2008 do điều kiện kinh tế thì chị N đi xuất khẩu lao động tại Đài L đến năm 2010 thì về nước do ra làm ngoài, không làm theo hợp đồng công ty nên bị trục xuất. Vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn từ đó. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không đồng nhất quan điểm với nhau. Chị N muốn đi xuất khẩu lao động nhưng anh L không đồng ý vì chị N đi nhưng không gửi tiền về cho gia đình mà toàn gửi về cho gia đình nhà ngoại. Anh L có nói chuyện nhiều lần nhưng không được giải quyết mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không quan tâm tới nhau. Nay anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Ngôn xin ly hôn anh L đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết cho hai vợ chồng ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Hải C sinh ngày 25/11/2000 và Hoàng Thị Kiều T sinh ngày 24/01/2003. Hiện con lớn đã đi làm ăn trong miền Nam sau khi ly hôn không yêu cầu giải quyết. Cháu T hiện cũng đã trưởng thành và đi làm.

Về tài sản chung, về công sức, về ruộng canh tác, về công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Vương Thị N vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

Tại phiên tòa anh Hoàng Bá L nhất trí ly hôn chị N và không yêu cầu giải quyết con chung, tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án đề nghị HĐXX:

Căn cứ vào Điều 51, 56 - Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 227- Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Vương Thị N được ly hôn anh Hoàng Bá L.

Về con chung: Không xem xét giải quyết.

Về công sức, công nợ, ruộng đất: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Vương Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Hoàng Bá L có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Chị Vương Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt chị Vương Thị N theo quy định tại khoản 1 Điều 227 – BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Vương Thị N và anh Hoàng Bá L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 30/10/1999 tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị N và anh L đã có thời gian chung sống hạnh phúc và có 02 con chung, vợ chồng chung sống với nhau được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không có sự hòa hợp tính tình và bất đồng về kinh tế gia đình, chị N và anh L đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay chị N xin ly hôn, anh L nhất trí, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã làm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần giải quyết cho chị Vương Thị N được ly hôn anh Hoàng Bá L là phù hợp pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Hải C sinh ngày 25/11/2000 và Hoàng Thị Kiều T sinh ngày 24/01/2003. Hiện nay hai con chung của vợ chồng đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Vương Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 56 - Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 227- Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vương Thị N được ly hôn anh Hoàng Bá L.

- Về án phí: Chị Vương Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2012/04957 ngày 14/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên. (Xác nhận chị N đã nộp đủ án phí).

- Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- CCTHADS huyện Việt Yên;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đã ký**

**Vũ Văn Hợp**